TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày: 27 - 9 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tống Văn Tuyên.
2. Ông Bà Nguyễn Thị Chung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2018/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1985; Tại: LS, BS, TH; Nơi cư trú: Phố Cổ Đam, phường LS, thị xã BS, tỉnh TH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang T và bà Phạm Thị M; Vợ: Tống Thị Hồng V; Con: 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: Không.

Tiền án 03 tiền án: Ngày 19/12/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, năm 2008 chấp hành xong bản án. Ngày 31/3/2009 bị Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 8 năm tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 07/6/2015 chấp hành xong bản án. Ngày 24/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, hành vi trộm cắp diễn ra vào ngày 18/9/2004, đến ngày 26/4/2017 chấp hành xong bản án.

Tạm giữ từ ngày 03/5/2018 đến ngày 12/5/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: - Chị Lê Thị Q, sinh năm 1984.
- Anh Phạm Trắc N, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TH. Chị Q, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Phố CĐ, phường LS, thị xã BS, tỉnh TH.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích tìm xem có nhà ai sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản nên vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/4/2018 Nguyễn Đức T phát hiện nhà chị Lê Thị Q ở tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa có cửa ra vào hành lang tầng 2 và tầng 3 không đóng, T ẩn nấp ở một gốc cây bên trái từ ngoài nhìn vào nhà chị Q, thấy nhà chị Q tắt điện đi ngủ, T liền sử dụng chiếc thang có sẵn ở sân nhà văn hóa tiểu khu 6 để trèo vào nhưng khi đặt thang phát ra tiếng động nên T đã trèo lên cây đi qua mái tôn nhà bên cạnh rồi trèo lên lan can tầng 2 vào nhà chị Q từ cửa ra vào tầng 2. T vào phòng ngủ của vợ chồng chị Q lấy 01 điện thoại OPPO màu trắng để ở đầu giường ngủ, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh đặt trên bàn trang điểm, móc túi quần treo trên móc tường thấy có tiền nên đã lấy T bộ số tiền trong túi bỏ vào túi quần đang mặc. Đi xuống phòng khách tầng lửng T lấy 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh đặt trên kệ gỗ ở chân cầu thang, xuống tầng 1 đi về phía quầy bán hàng, thấy có tiền và một số thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng đựng trong giỏ nhựa, T lấy T bộ số tiền và thẻ cho vào túi quần rồi đi theo đường cũ để ra ngoài. Sau đó T đi ra Quốc lộ 1A bắt xe về nhà và kiểm tra số tài sản vừa trộm cắp được ở nhà chị Q, đếm được tổng tiền mặt là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng), 01 điện thoại Oppo màu trắng, 02 điện thoại Nokia 1280 màu xanh và một số thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng. Sáng ngày 17/4/2018 T bỏ T bộ số tài sản trộm cắp được trong chiếc túi da màu nâu có dây đeo và bắt xe ra Hà Nội. Khi ra Hà Nội T bán cho một người đàn ông lạ mặt 01 điện thoại Oppo màu trắng, 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh với số tiền là 1.400.000 đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng); một số thẻ cào chưa qua sử dụng của nhà mạng Viettel với số tiền trên thẻ thể hiện là 1.260.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng T chỉ bán với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau khi có tiền T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, đến chiều cùng ngày thì bắt xe khách về nhà và cất tài sản còn lại trong phòng ngủ của mình. Đến này 03/5/2018 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Đức T đã tới công an huyện Hà Trung đầu thú, khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hà Trung ngày 09/5/2018 kết luận : 01 điện thoại Oppo màu trắng loại F1S có giá trị thành tiền là 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng);* 02 điện thoại Nokia 1280 màu xanh có giá trị thành tiền là 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng)*.

Quá trình điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị Q 01 điện thoại Nokia 1280 màu xanh đã cũ, 46 thẻ cào điện thoại chưa qua sử dụng; trả lại cho gia đình bị can

Nguyễn Văn T 01 điện thoại Philips màu đen đã qua sử dụng bên trong chứa sim số 0971566246 và 01 túi da màu nâu có dây đeo

Về bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Quang T là bố bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của gia đình chị Lê Thị Q với số tiền 11.160.000đ (mười một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Đến nay hai bên đã thống nhất bồi thường xong về phần dân sự, chị Q không có yêu cầu, khiếu nại gì thêm, ông Tuyển không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền mà ông đã bồi thường cho gia đình chị Q.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS-SH ngày 21/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Đức Tòa về tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên toà, đại diện VKSND vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Đức T từ 27 đến 30 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai người bị hại, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn T phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào đêm ngày 16, rạng sáng ngày 17/4/2018, Nguyễn Đức T đã lợi dụng đêm tối, lén đột nhập vào nhà chị Lê Thị Q ở tiểu khu 6, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TH trộm cắp một số tài sản của gia đình chị Lê Thị Q gồm tiền mặt 3.800.000đ, thẻ điện thoại trị giá 3740.000đ, và 03 điện thoại trị giá 2.500.000đ, tổng giá trị tài sản là 10.040.000đ *(Mười triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Do bị cáo cáo đang có 03 tiền án, theo bản án số 71/2009/HSST ngày 31/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 08 năm tù đã xác định bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đến ngày 07/6/2015 bị cáo mới chấp hành xong bản án, đến thời điểm phạm tội ngày 16/4/2018 bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định. Như vậy bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn T đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, bản thân bị cáo đang có 03 tiền án, vừa mới ra tù, bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; do vậy cần xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo các bị cáo thành người lương thiện và làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Quá trình điều tra bị cáo đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có bố là thương binh, đang hưởng trợ cấp hàng tháng về người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được chính phủ lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tặng huân chương chiến công giải phóng, được Hội đồng xét xử coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xem xét một mức án phạt tù phù hợp để bị cáo yên tâm cải tạo, tương xứng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện viện kiểm sát tại phiên tòa.

Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về phần bồi thường: Người bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường, không yêu cầu thêm gì nên miễn xét.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đức T 27 *(Hai mươi bảy)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 03/5/2018).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Q, anh Ninh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Ông Tuyển có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Hà Trung;
- Công an huyện Hà Trung;
- Bị cáo;
- Ông T, chị H, anh N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt